

23-2-2017

Vu Khoan [Vietnam, Deputy Prime Minister]

Vu Khoan

Follow this and additional works at: https://ink.library.smu.edu.sg/isl_dna

Part of the [Asian Studies Commons](#), [Economic Policy Commons](#), and the [International Relations Commons](#)

Citation

Khoan, Vu. Vu Khoan [Vietnam, Deputy Prime Minister]. (2017). 1-25. Digital Narratives of Asia.

Available at: https://ink.library.smu.edu.sg/isl_dna/44

This Transcript is brought to you for free and open access by the Institute for Societal Leadership at Institutional Knowledge at Singapore Management University. It has been accepted for inclusion in Digital Narratives of Asia by an authorized administrator of Institutional Knowledge at Singapore Management University. For more information, please email libIR@smu.edu.sg.

Interviewee: **VU KHOAN**
 Interviewer: Donna Cheng
 Date: 23 February 2017
 Location: Singapore

Time code	Vietnamese	English
00:00:20 Donna Cheng	Tại sao ông tham gia cách mạng từ rất sớm?	<p>Mr Vu Khoan, thank you very much for giving us this opportunity to speak to you here on Digital Narratives of Asia.</p> <p>Let's start with a very short introduction about yourself. You have come a long way in your industrious career. You were the Deputy Prime Minister for Vietnam international trade, as well as with the Foreign Ministry. Take us back to when you were younger... right? When you were ten years old, you joined Viet Minh... right? At fourteen years old, that you went to China, and you were training there, and you also went to Russia. So, what was it that made you decide to join Viet Minh, at ten years old?</p>
00:00:59 Vu Khoan	Thực ra thì có hai nhân tố: một là hoàn cảnh khách quan, hai là những cố gắng bản thân.	There were two main factors: one was the situation that I was in and the other was my own efforts.
	Trước hết tôi nói về hoàn cảnh khách quan.	Let me first talk about the situation back then.
	Bạn biết là Việt Nam trong những năm 40s và 50s của thế kỷ trước, thì phải tiến hành cuộc kháng chiến để chống thực dân Pháp	As you might know, in Vietnam during the 1940s and 1950s, we had to run the Resistance Campaign against French colonialists.

	Thì cả dân tộc chúng tôi đứng lên để tiến hành cuộc kháng chiến đó và ông bố tôi cũng tham gia lực lượng vũ trang của Việt Nam.	The whole nation stood up for that campaign, and my dad also joined the People's Army of Vietnam.
	Và đã phải rút lên núi rừng Việt Bắc ở phía bắc của Việt Nam và tôi theo ông bố lên đó.	He had to move to the remote jungle of Viet Bac in the northern tip of Vietnam, and I followed him there.
	Và chúng tôi lúc đó còn rất nhỏ như thế này thì được sử dụng làm liên lạc cho các đơn vị của quân đội vì lúc đó không có điện thoại, không có điện tín, không có gì cả, chỉ do cái đôi chân của con người thôi.	As children, we were mobilized to do the communication work for army units, because back then there was no telephone, no telegram, nothing. We had to rely on foot to send and receive information.
	Thế những cháu nhỏ thì có thuận lợi là nó nhỏ, nó đi dễ, thành thử ra là làm những liên lạc cho quân đội.	Being small and mobile, children were mobilized to become communicators for the army.
	Nhưng sau một thời gian thì Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi đó, mới quyết định là phải tập hợp các cháu nhỏ đẩy vào một cái trường để dạy học, gọi là trường thiếu sinh quân.	After a while, our then President Ho Chi Minh decided to gather these kids and put them to school for education. It was called Young Cadet School.
	Thế là chúng tôi được đưa vào đấy. Từ đó được đưa sang Trung Quốc và sau đưa sang Liên Xô học tập để chuẩn bị sau Hiệp định Geneve thì sẽ sử dụng để phục vụ cho việc xây dựng lại Miền Bắc.	We joined the school, and then soon after that we were sent to China, and later on, to Soviet Union for education. The purpose was to prepare us for rebuilding the Northern part of Vietnam after the Geneva Accord on Vietnam is signed.
	Thế thì đang học tiếng Nga thì tôi được lấy	When I was still undergoing a course in Russian in the Soviet

	ra đại sứ quán làm việc và từ đó thì bước vào ngành ngoại giao khi mình mới 18,19 tuổi thôi.	Union, I got picked up and sent to Vietnam's Embassy in Moscow to work. That started my foreign service career. I was just eighteen, nineteen years old.
	Thì đấy là số phận nó đặt mình vào cái công việc như vậy.	It was fate that put me in the job.
	Nhưng mà có nhân tố thứ 2 là cái cố gắng bản thân.	But there was also the second factor: that was my own efforts.
	Là vì khi được giao việc, còn rất trẻ, chưa biết gì nhiều, thì được giao bất kỳ việc gì tôi cũng nhận làm việc đó một cách rất tích cực, rất nỗ lực và học tập qua những công việc đó.	Since I was very young and inexperienced, I always tried very hard to accomplish any assigned mission. I always tried to learn through those assignments.
	Từ những công việc làm lễ tân, làm công tác phiên dịch, rồi công tác quản trị. Tất cả các nghề đó của Ngoại giao là tôi đều trải qua cả.	I went through different roles, from a receptionist to an interpreter, and then to managerial positions. I basically experienced all the different roles in the foreign service.
	Và trong quá trình đó giúp cho mình hiểu biết thêm và ngày càng có nhiều kinh nghiệm và từ đó thì mình tiến bộ dần.	That process allowed me to expand my knowledge, and build on my experience, therefore improving myself over time.
	Nhưng cũng phải nói ngay với bạn không phải là cái bước đường danh vọng của tôi lúc nào nó cũng thuận lợi đâu mà cũng qua rất nhiều thử thách và chính những thử thách đó giúp mình trưởng thành.	But that doesn't mean my career was always paved with successes and easy promotions. I faced many different challenges too. But those challenges did help me grow as a person.

	<p>Đây là 2 nhân tố nó tạo nên số phận của tôi tức là có hoàn cảnh khách quan nhưng đồng thời cũng có những cố gắng bản thân. Đó là cái bài học tôi rút ra sau cuộc đời.</p>	<p>In short, there were two factors. One was the natural situation back then, and the other was my own dedicated efforts. That's what I see now when I look back on my whole life.</p>
<p>00:03:45 Donna Cheng</p>	<p>Ông có thể kể một vài thách thức trong đời mình?</p>	<p>So, you mentioned that... the career... For us on the outside, when we look at it, it's like... everything was clear sailing from ten years old, like everything is clockwork. But you mentioned that it's not always so easy, like there were many challenges that you faced. What was some of them that were significant to you? Some of these challenges in your diplomatic career?</p>
<p>00:04:08 Vu Khoan</p>	<p>Mỗi việc trong ngành ngoại giao đối với tôi đều là thách thức là vì cái gì cũng mới cả.</p>	<p>Every single assignment in the foreign service was a challenge to me, since everything was new to me.</p>
	<p>Là vì khi đi học thì tôi chỉ học tiếng nga thôi chứ có học gì ngoại giao đâu.</p>	<p>When I was a student, my only background training was Russian language, and not a single thing about foreign service.</p>
	<p>Nhưng khi đi làm việc thì được giao bất kỳ việc gì của ngành ngoại giao mà mình chưa biết gì cả.</p>	<p>Then, ever since I started my foreign service career, I had to deal with assignments that I had no particular knowledge of.</p>
	<p>Thành ra đó một việc nhỏ của công tác ngoại giao cũng là khó với tôi, cũng là thách thức.</p>	<p>So indeed, any minor assignment in the foreign service can pose as a difficult challenge to me.</p>
	<p>Ví dụ, khi được lấy ra đại sứ quán Việt Nam ở Moscow thì tôi được giao nghe điện thoại nhưng mà tiếng Nga của tôi rất là kém vì có</p>	<p>For example, when I was posted to the Vietnam's Embassy in Moscow, I worked as a telephone receptionist while my command of Russian was still very weak, because I only had</p>

	học có 9 tháng thôi mà.	nine months of training before that.
	Thì mỗi khi tiếng chuông đó rung lên thì rất là sợ. Tại vì sợ mình nghe không hiểu thì rồi báo cáo sai lệch thì rất nguy hiểm.	So, every time the phone rang, I panicked. My main concern was that I might not understand what was being said on the line, and that could lead to disaster if I misreported it.
	Đấy thì tôi chỉ nói một chuyện nhỏ thế thôi để thấy là thách thức là từng việc nhỏ một.	I think just a small story as such can be enough to depict how challenging every assignment can be to me back then.
	Thế nhưng mà qua những thách thức đó thì mình trưởng thành dần lên.	But I grew overtime, thanks to those challenges.
	Thì đấy là một cái con đường dài nhưng mà nó rất là vững chắc tại vì qua kinh nghiệm thực tế nó dạy cho mình rất nhiều điều.	That was a long and difficult path for me. But it helped me a lot. I grew up firmly through those experiences.
	Có thể nói là cả đời tôi đầy những thách thức, mỗi bước đi là một thách thức.	I can say that my whole life was packed with challenges and that every step I took was a challenge for me.
	Vì khi lên làm lãnh đạo rồi, phải đi đàm phán chẳng hạn thì phải đàm phán những lĩnh vực tôi không có hiểu biết gì nhiều do đó nên là rất là khó khăn.	Later in my life, when I became a leader, challenges were still with me when I had to be a negotiator for Vietnam, in many areas where I had little knowledge of. It was really difficult.
	Thế hay là đang làm ngoại giao sang làm thương mại là một cái lĩnh vực tôi hoàn toàn không hiểu biết gì.	Another example was when I moved from the foreign service to take charge of commerce, which was a totally new area that I don't know anything about.
	Thì đấy cũng là những thách thức. Đó là về sau này.	So those are the challenges in the later part of my life.

<p>00:05:39 Donna Cheng</p>	<p>Kinh nghiệm gì đã giúp ông vượt qua được những thách thức trong công việc?</p>	<p>In the foreign service, you're one of the main architects who brought about normalization relations with China. You also, led Vietnam into ASEAN (Association of Southeast Asian Nations). You mentioned earlier that there were challenges, a lot of challenges that you faced. In these international relations, what were some that stood out for you? What do you think were the principles that guided you in these breakthroughs?</p>
<p>00:06:08 Vu Khoan</p>	<p>Để trả lời câu hỏi này chúng ta cần trở lại những năm 80s của thế kỷ trước.</p>	<p>To better answer this question, I'd like to go back a bit to the Vietnam in the 1980s.</p>
	<p>Trong những năm 80 Việt Nam đứng trước mấy cái thách thức.</p>	<p>Vietnam in the 1980s faced several challenges.</p>
	<p>Thách thức thứ nhất là bị bao vây cô lập với thế giới bên ngoài, đặc biệt là các nước xung quanh như Trung Quốc, Đông Nam Á, đều là theo đuổi chính sách cô lập Việt Nam cả, tôi chưa kể những nước bên ngoài nữa.</p>	<p>The first challenge was isolation. Vietnam was isolated with the outside world. Neighboring countries such as China and Southeast Asia countries all boycotted Vietnam. I have yet to name other larger countries.</p>
	<p>Thách thức thứ 2 là nền kinh tế do bị bao vây suy sụp, lạm phát nghiêm trọng, ví dụ năm 1986 chỉ số CPI tăng gần 1000%, chính xác là 784%/năm.</p>	<p>The second challenge was that our economy was on the verge of collapsing. Our consumer price index (CPI) in 1986 rose up to nearly 1000%. It was 784% per year, to be exact.</p>
	<p>Thứ Ba là các nước tài trợ chủ yếu của chúng tôi lúc bấy giờ là Liên Xô và Đông Âu bắt đầu rơi vào khủng hoảng, viện trợ giảm</p>	<p>The third one was when our main donors, which were the Soviet Union and Western European countries, began to face their own crises. The economic aids from this block were</p>

	dần và đi đến chỗ kết thúc.	decreasing and soon ended.
	Thế đó là ba thách thức khách quan. Ba thách thức này đặt cho chúng tôi nhiệm vụ là làm sao để thoát ra khỏi tình trạng đó, nếu không thì rất nguy hiểm.	So, those were the three major challenges. They posed a big problem to us over how to get over the situation. If we fail to do it, it will be very catastrophic.
	Tình hình đó, chúng tôi phải xem là nguyên nhân ở đâu mà mình lại khó khăn thế	In such a situation, we had to review the reasons that caused us so much trouble.
	Về kinh tế, do chúng tôi theo đuổi chính sách kế hoạch hóa tập trung quá lâu nên người lao động không có động lực làm việc.	In economy, we identified that our long pursuit of the centralized planning policy had depleted motivation to work in our workforce.
	Thế thì chúng tôi phải thoát ra khỏi tình hình đó, phải thay đổi cơ chế kinh tế đó và đi liền với đổi mới thể chế đó thì phải làm sao thoát ra khỏi bao vây cô lập và phải hội nhập với quốc tế.	In order to cope with the situation, we had to reform our economy. Alongside economic reform, we had to break away from the political and economic isolation and integrate with the rest of the world.
	Thế thì đây là lợi ích của chúng tôi là như vậy nhưng mà làm thế nào để làm được việc đó thì phải nói rằng là chúng tôi đã tranh luận nhau rất nhiều, rất là căng thẳng rồi cuối cùng đến năm 1986 mới đi đến quyết định là phải thôi, bỏ cái kinh tế kế hoạch hóa tập trung đi.	We managed to identify our core interests, but the debate over how to achieve it was very tense and lengthy. In 1986, we decided to abandon our economic policy of centralized planning.
	Còn về bên ngoài đó, thì rút quân ra khỏi campuchia, để công việc nội bộ của	Meanwhile, we also decided to withdraw our troops from Cambodia, and let Cambodians settle their own business. The

	campuchia tự giải quyết và bình thường hóa quan hệ với các nước ở trên thế giới, trước hết là các nước xung quanh, cụ thể là với các nước đông nam á và trung quốc, là việc đầu tiên chúng tôi làm.	first target we set in our foreign policy was to normalize our relations with other countries, first and foremost, with Southeast Asian countries and China.
	Sau đó chúng tôi bình thường hóa quan hệ vòng thứ 2 là các nước ở châu á thái bình dương, vòng thứ 3 là với châu âu, vòng thứ 4 là với Mỹ.	Then we came to the second round of normalizing our international relations by reaching out to Asia-Pacific countries. The third round was with the European countries and the fourth round was with the US (United States).
	Thì đấy chúng tôi cứ gỡ dần, gỡ dần ra thì bình thường hóa lại.	That was how we managed to step-by-step break away from political isolation and normalize our international relations.
	Thì tất cả các công việc đó bây giờ nói thì rất dễ nhưng lúc bấy giờ làm rất khó.	All these tasks might seem to be very simple at this moment, but back then they were extremely challenging.
	Khó là ở hai ý do, một lý do là nội bộ chúng tôi nhận thức về những vấn đề đó phải trải qua những tranh luận rất là gay go và bên ngoài thì cũng phải làm thế nào mà có thể tiếp cận được những nước đó và để họ hưởng ứng những sang kiến của chúng tôi về bình thường hóa quan hệ.	They were challenging because of two reasons. The first was our own perception. We had to debate a lot to reach a consensus among ourselves. Then we had to reach out to other countries and convince them to support our efforts to normalizing relations.
00:09:30 Donna Cheng	Theo ông thì phẩm chất nào đã giúp ông có thể hoàn thành nhiều nhiệm vụ được giao khác nhau như vậy?	I need to get you to share with me something personal, okay? You talked about... at a structural level, as a country, the kind of challenges that leaders who are working with you, felt you need to reach out, to normalize relations. But you were trained in the system as well, right? What do you think are

		<p>your personal qualities that helped you negotiate, reach out to so many different kinds of countries out there? Cause they all have their own systems... you want to normalize relations within Asia, with Soviet Union as well, also in Europe, and in America. They're all different. You, as someone representing Vietnam, how do you personally, have to overcome that? What were the thought processes like? What was it for you? What carried you through?</p>
<p>00:10:29 Vu Khoan</p>	<p>Thành ra cái việc đầu tiên là phải thắng mình cái đã, đấy là cái khó nhất. Thế thì nếu muốn thắng mình ấy, thì lúc ấy cá nhân tôi là trước hết phải nhìn vào lợi ích quốc gia của mình là cái gì cái đã, xem lợi ích của đất nước Việt Nam là cái gì, thì mình phải làm tất cả những gì có lợi cho Việt Nam. Thế thì mình lấy cái đó làm động lực để mà thay đổi.</p>	<p>The first mission was to change our own mindset. That was the most difficult one. As for me back then, I thought that I needed to take a step back to see what my national interests were, and what I needed to do to benefit my country. I had to use that calculation as a motivation for me to change my own mindset.</p>
	<p>Cái thứ hai là mình cũng phải nhìn thế giới dưới con mắt thực tế hơn, xem lợi ích của họ là cái gì. Tiếng phương Đông thì có câu là "biết mình, biết người" đó. Thì phải biết mình cần cái gì và phải biết người ta cần cái gì. Thì nếu mà nhìn nhận như thế thì mới giải quyết được.</p>	<p>The second task was to read other countries' reactions in a more practical way. We need to understand what those countries' national interests were. In the Eastern World, we have a saying: "Know yourself and know your enemy". We need to know not only what we need, but also what other people need. If we keep such an approach in mind, we should be able to settle all problems.</p>
	<p>Đấy là cái feeling cá nhân của tôi là nó như thế. Nhưng mà làm được việc đó cũng không dễ đâu vì mình nghĩ về thế giới như thế nhưng không phải là mọi người đều chia sẻ</p>	<p>That's my own feelings and viewpoint. But it was not easy to convince others, as many didn't think like that, and didn't share my opinion. It was another challenge, to convince others to agree with me.</p>

	với mình. Thế thì mình phải làm sao mà thuyết phục được người ta để người ta cũng đồng tình.	
	Thế rồi làm sao bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, làm sao bình thường hóa quan hệ với Asean mà trong Asean thì có một số nước tiến hành chiến tranh với Việt Nam, tham gia chiến tranh Việt Nam. Thế thì làm sao để thuyết phục người khác cũng đồng ý với mình. Thì đó cũng là một quá trình không đơn giản.	Then the challenge was how to normalize relations with China, and especially with ASEAN, given that many ASEAN's member countries participated in the Vietnam war. So, the advocacy for such policy was not an easy process.
	Nhưng mà mỗi một việc đều phải thay đổi mình, nhìn nhận lại thế giới và thuyết phục người khác. Đây là 3 việc phải làm. Thay đổi cái đầu mình này, thay đổi cái mắt mình nhìn thế giới và cái thứ 3 là thuyết phục người khác.	But every challenge required three steps to overcome: change our mindset, reconsider the outside world, and convince others to support our approach. These are three things that we had to do. We had to change our mindset, change our perception of the world, and convince others to support us.
00:12:10 Donna Cheng	Ai là nhà lãnh đạo mà ông cảm thấy ưa thích, để làm việc ở Asean?	There are a couple of... You mentioned... different levels that you yourself have to overcome. The mindset change, the way you think and view the other countries. Then, you have to figure out what are they thinking, try and put yourself in their shoes. Even after you have done that, you have to convince your own people, and you also have to convince the other party, the other country, the other ASEAN countries, America or China to see things that Vietnam's changed, and Vietnam's not what it was, that you guys are also changing. Let's talk about... so many layers I need to ask you, but let's talk about ASEAN. ASEAN's turning fifty. It's come a long

		<p>way, and Vietnam's come a long way with ASEAN. During the early years, when all these things were happening, and you had to convince your ASEAN partners that Vietnam's in it for the long haul too, we are part of the region, and we want to change. Who do you remember, or which countries were easier for you to work with? Or that you found a closer relation with? Were there things like that? That you could feel... cause when we interviewed some of the other ASEAN leaders, they talked about a close... like brotherhood, among ASEAN leaders, the older ones, who started out. Did you feel that kind of brotherhood, or was it hard for you to try and get in to that close circle?</p>
<p>00:13:44 Vu Khoan</p>	<p>Không phải chị là người Singapore mà tôi nói rằng cái mà tôi ấn tượng nhất là quan hệ với Singapore. Là vì trong thời gian bị bao vây cô lập, Singapore là nước phê phán Việt Nam gay gắt nhất ở các diễn đàn quốc tế, kể cả ở Liên Hợp Quốc.</p>	<p>It's not because you are Singaporean that I say I'm most impressed by our relations with Singapore. During our isolation period, Singapore was the most vocal against Vietnam on the international fora, including the United Nations' forum.</p>
	<p>Tôi nhớ rất rõ là ông Tomy Cho đó, là một nhà ngoại giao rất là giỏi của Singapore, ông phê phán Việt Nam rất giỏi ở Liên Hợp Quốc.</p>	<p>I remember very vividly that it was Mr. Tommy Koh (Singapore Ambassador-At-Large) – a very smart and talented Singaporean diplomat, who used to make very strong points condemning Vietnam at the United Nations.</p>
	<p>Nhưng mà, về sau dần dần tôi mới thấy Singapore là những người rất thực tế và họ thay đổi rất nhanh. Họ có một thái độ rất là, xin lỗi dùng từ là, thực tế.</p>	<p>But gradually, I realized that Singaporeans are very practical people, and they change their approach very fast. I meant no offense, but they are really, very practical.</p>

	<p>Tôi có may mắn là được bồi đồng ông Lý Quang Diệu khi ông ấy sang thăm Việt Nam. Cùng đi với ông ấy trên máy bay, cùng đi trên ô tô, cùng ở một khách sạn, cùng ăn uống. Mấy lần ông ấy sang Việt Nam tôi đều được giao cái nhiệm vụ đó.</p>	<p>I had the chance to receive Mr. Lee Kuan Yew every time he visited Vietnam. I took the same flight, travelled in the same car as him, stayed at the same hotel as him, and had meals with him personally. I was assigned to receive him whenever he came to Vietnam.</p>
	<p>Và qua những cuộc tiếp xúc đó, tôi hiểu rõ cái bản sắc của người Singapore. Và các bạn Singapore luôn luôn có rất nhiều sáng kiến ở trong Asean. Thành thử ra rằng chúng tôi làm việc với Singapore tương đối dễ.</p>	<p>Through our interactions, I came to understand clearly the characteristics of Singaporeans. Singaporeans are always full of new ideas within ASEAN's discussions. Hence, our encounters with Singapore were pretty easy.</p>
	<p>Tôi nói như vậy không có nghĩa rằng khó khăn quá gì với các nước khác đâu. Là vì lợi ích của các nước thành viên cũ Asean lúc bấy giờ với Việt Nam có nhiều điểm song trùng. Thành ra khi lợi ích gặp nhau thì làm việc tương đối dễ.</p>	<p>By saying that, I don't mean our encounters with other ASEAN countries were mostly difficult. The national interests of ASEAN countries back then and Vietnam's were quite similar. Once we share joined interests, it would not be a problem working together.</p>
	<p>Nhưng mà lúc đầu thì bỡ ngỡ lắm. Lúc đầu thì phải nói là rất bỡ ngỡ vì thù địch nhau rất là lâu bây giờ gặp nhau thế nào rồi luật lệ của hai bên rất khác nhau.</p>	<p>But it was quite awkward at first. The awkwardness was understandable given the longtime animosity, and the difference in political systems between the two sides.</p>
	<p>Tôi kể câu chuyện là khi mà chúng tôi gia nhập Asean năm 95 thì phải làm thủ tục. Khi tôi ngồi với SOM Leaders của các nước Asean để bàn các thủ tục. Các bạn mới bảo rằng Việt Nam phải ký TAC của Asean, tôi</p>	<p>Here is a small example: back in 1995 when Vietnam was about to join ASEAN. During the SOM (Senior Officials' Meeting) Leaders meeting, we discussed procedures for Vietnam to join ASEAN. We were asked to sign ASEAN's Treaty of Amity and Cooperation (TAC). I said, "No problem,</p>

	bảo không có vấn đề gì vì hiệp ước đó chúng tôi đã nghiên cứu rồi và dễ hiểu vì nó là về chính trị.	we studied about it. It was easy to understand, and it was just a political agreement,”
	Nhưng đồng thời thời các bạn đòi Việt Nam phải ký CEPT. Tôi mới hỏi CEPT là gì. Thế các bạn rất ngạc nhiên mới hỏi, Việt Nam gia nhập Asean mà không biết CEPT là gì à? Tôi bảo không, tôi không biết thật.	Then, we were asked to sign CEPT (the Agreement on the Common Effective Preferential Tariff Scheme) too. I asked them, “What is CEPT?” Other people were very surprised and said, “Vietnam is joining ASEAN, and you don’t even know what CEPT is?” I said, “I don’t know anything about it indeed.”
	Thế nhưng mà sau đó chính các bạn Singapore đã giúp chúng tôi hiểu thế nào là CEPT.	But it turned out later that it was Singaporean friends who helped us understand what CEPT was.
	Tôi dẫn đầu một đoàn Vn sang Singapore trước rồi sau đó đi các nước khác thì các bạn Singapore đã huấn luyện cho chúng tôi tất cả các luật lệ của Asean, trong đó có CEPT.	I led a Vietnamese delegation to Singapore first, and then to other countries. It was in Singapore that we were introduced to all ASEAN’s rules and norms, including CEPT.
	Thì phải nói là quá trình vào Asean tương đối dễ dàng vì cái cơ bản là lợi ích gặp nhau nhưng cũng có cái thuận là có những người bạn có thiện chí giúp đỡ chúng tôi rất nhiều.	In short, Vietnam's process of joining ASEAN was pretty smooth, because both sides shared the same interests, and that process was even better facilitated thanks to the goodwill of friends who had helped us a lot along the way.
00:17:05 Donna Cheng	Ông muốn chia sẻ bài học gì cho các nhà lãnh đạo Asean trong tương lai?	ASEAN has come a long way and Vietnam too, has come a long way in ASEAN. What do you think are your key insights on working with the other ASEAN partners that is important for the younger leaders to know today? Given your vast experience from the very beginning, where there was resistance, to periods of time when there’s cooperation?

		<p>Even now, we have good and bad times. ASEAN is a peculiar organization. We're strong... ASEAN is strong as an organization, yet at the same time it seems to be moving slowly. What would you say to younger leaders as we look ahead to ASEAN in the next fifty years? Even right now, where every country is still focused on national interests, but also knowing there's a need for the grouping to stay together. There are a lot of threats, and there are also a lot of opportunities. What would your message be? What kind of lessons do you think you need to share with the younger leaders from your years... leading Vietnam?</p>
00:18:22 Vu Khoan	<p>Thực ra giữa các quốc gia, cụ thể là giữa các nước Asean, luôn luôn có những điểm chung và điểm khác biệt.</p>	<p>Generally speaking, among countries, and ASEAN countries in particular, there are always similarities and differences.</p>
	<p>Người ta có thiên hướng tụ nhau lại vì những lợi ích chung. Tôi nói ví dụ như là Asean, có lợi ích chung là phải giữ cho khu vực này ổn định, làm sao cho vai trò của các nước Asean trên thế giới được nể trọng. Nhưng mỗi một nước thành viên Asean lại có những cái lợi ích riêng.</p>	<p>People tend to gather together for their shared interests. For example, ASEAN countries share the interests of safeguarding peace and stability in the region, as well as ensuring that other countries recognize and respect the role of ASEAN in the world's stage. However, each ASEAN member country has its own national interests.</p>
	<p>Thì tôi muốn có một cái message là luôn luôn phải hiểu cái chung và cái riêng và kết hợp được hài hòa giữa lợi ích của cái chung và cái riêng thì cái tổ chức nó mới bền vững.</p>	<p>My message is that we need to understand the shared interests, as well as the particular ones of each member country. We need to consider and harmonize both types of interests so as to keep ASEAN a sustainable grouping.</p>
	<p>Tôi nói ví dụ như EU hiện nay đang đứng</p>	<p>I can point out an example. The European Union is facing a</p>

	<p>trước những thách thức. Và những thách thức ấy nó thể hiện là lợi ích chung và lợi ích riêng không phối hợp được. Thành ra khi mà lợi ích riêng nó thắng thế thì nó sẽ làm tan rã tổ chức. Nhưng nếu giữ được lợi ích riêng nó hài hòa với cái chung thì sẽ giữ được tổ chức. Thì Asean cũng vậy thôi.</p>	<p>major challenge now. This challenge represents the fact that EU countries failed to harmonize their shared and particular interests. When the sentiment of ensuring each country's particular interest triumphs, it will destroy the organization. If the two types of interests can harmonize, the organization will stand. ASEAN is no exception to such rule.</p>
	<p>Thế đấy là một cái message mà như chị hỏi đó, tôi muốn nói lại.</p>	<p>So that's the first message that I'd like to mention.</p>
	<p>Cái message thứ hai đó, trong quan hệ quốc tế, có một nhân tố rất quan trọng mà người ta ít nói đến là nhân tố văn hóa. Thì phải hiểu văn hóa ứng xử của từng quốc gia, cái cách ứng xử của từng con người, từng dân tộc và thích nghi với những văn hóa đó làm sao để tạo một sự tương đồng về văn hoá thì mới có thể giữ cho tổ chức nó bền chặt được.</p>	<p>The second message is about culture. This is a factor that is hardly mentioned in international relations. However, we need to understand the culture and behavior of each country, each nation, and each person, and we need to adapt with them. Only by doing so, can we find and create similarities in our cultures to fortify our grouping.</p>
	<p>Đấy là bài học thứ 2. Bài học thứ nhất là phải kết hợp lợi ích chung và lợi ích riêng. Bài học thứ hai là phải hiểu biết về văn hóa.</p>	<p>That's the second lesson. The first one is to harmonize shared and particular interests. The second one is to understand the importance of culture.</p>
	<p>Cái bài học thứ 3, tôi rút ra, là Asean phải làm việc với thế giới bên ngoài chứ không thể đứng cô lập được. Thế nhưng mà phải làm việc như thế nào, nhưng mà đừng để các nước bên ngoài sử dụng mình như một công</p>	<p>The third lesson that I have learnt is about independence. Although ASEAN can't just stand isolated and has to work with the outside world, it is important for the group to integrate without being used by others as a tool to interfere into its member country's internal affairs. If a member</p>

	<p>cụ can thiệp vào công việc nội bộ, nếu mà mỗi nước lại đi nghe theo một nước nào khác thì nó sẽ lại phá hỏng lợi ích của các nước thành viên thì nó sẽ khó khăn.</p>	<p>country fails to do this, it will affect the interests of other member countries and create trouble for the whole group.</p>
	<p>Đây là 3 cái thông điệp mà tôi muốn chia sẻ. Đây chỉ là thông điệp cá nhân của tôi thôi. Nhưng mà qua các công tác, qua làm việc cũng dài dài với Asean và nhìn trên thế giới tôi rút ra được ba cái bài học đó.</p>	<p>These are the three messages that I want to share with you. This is just my personal opinions. But they are the lessons I learnt from my long years of working with ASEAN countries as well as witnessing the developments in international relations overtime.</p>
	<p>Thực ra thì tôi xin khẳng định mạnh mẽ một điều trước tiên đã là cá nhân tôi chỉ là một nhân vật rất nhỏ trong một hệ thống rất lớn thôi. Tự mình cũng còn gặp rất nhiều khó khăn về nhận thức thế giới, nhận thức đất nước mình. Nhưng mà thực tế cuộc sống đã dạy cho thế hệ chúng tôi chứ không riêng gì cá nhân tôi rất nhiều điều.</p>	<p>I must stress that I'm just a small drop in the ocean. I faced a lot of difficulties reshaping my viewpoint about the world and Vietnam. I think it was the hard experiences that we have gone through that have taught my generation and myself many good lessons.</p>
	<p>Thì tôi nói ví dụ, về kinh tế, trước đây chúng tôi theo chủ trương là tự cung tự cấp, nói theo ngôn ngữ kinh tế là theo đuổi một chính sách gọi là thay thế nhập khẩu, tức là tự mình phải sản xuất ra mọi thứ. Nhưng mà dần dần chúng tôi mới nhận thức ra là trên thế giới nó không hẳn như thế mà nước nào muốn mạnh thì phải mở cửa, đẩy mạnh xuất khẩu. Vì Việt Nam đổi mới trong thời kỳ mà những con rồng con hổ trong đó có</p>	<p>For example, with regards to economic policy, we used to advocate localism. In economic terms, we call it import substitution policy, which means we plan to produce everything we need. But overtime, we came to realize that the developments around the world didn't prove our point right. We saw that if a country wants to develop, it needs to open its door and improve trade. Back then, we witnessed the rise of Asian tigers and dragon, including Singapore. And one of the main drives for these countries was the development of their export. That's how we learned from</p>

	<p>Singapore phát triển mà một trong những nhân tố mà các nước đó phát triển là hướng mạnh ra xuất khẩu. Thế chúng tôi cũng học các bài học của những nước đi trước. Rồi mình cũng áp dụng. Thì dần dần thì nó mới phát triển được.</p>	<p>other countries and applied it to Vietnam. It took a while before such change proved to be effective for us too.</p>
	<p>Tóm lại, tức là, tôi lại nhắc lại câu của Phương Đông là “Biết mình, biết người”. Biết Việt Nam cần gì và biết thế giới đang thế nào để cộng hai cái đó lại thì mới hành động được.</p>	<p>In short, I’d like to mention the Eastern saying of “Knowing yourself and knowing your enemy” again. We need to know what Vietnam needs and what the outside world needs. Then we combine these two factors to see what action we should take.</p>
	<p>Thế thì tôi cũng chỉ là một hạt cát nhỏ trong cái guồng máy đó. Và chúng tôi đã đổi mới dưới cái quan điểm như vậy.</p>	<p>Again, I’m just another drop in the ocean. That’s how we managed to change our perception.</p>
<p>00:23:18 Donna Cheng</p>	<p>Trong đời mình có bao giờ ông quá mệt mỏi và muốn bỏ cuộc hay thay đổi công việc không?</p>	<p>Coming to the point where you say, “You have to know yourself”, were there times in your diplomatic career, where you just felt tired... you just felt like... burnt out, perhaps, just like at wits end? Were there times when you felt like maybe this is not for you or, something else that you’d rather do? Because earlier as we spoke, you mentioned you liked to be an architect, you’re not trained in that. So you have your own personal interests, you have things that you really like, and your whole career really seem to be very challenging, because as you led the country together with your team, to engage the world. Were there times where you just felt, “Why am I doing this? Why don’t I take a different path?” Have you ever had that kind of situation, and then decide,</p>

		“Yes, I need to go on”? What was it like for you to go through that process?
00:24:23 Vu Khoan	Nói thực với chị là tôi cũng không có thời giờ để mà nghĩ đến những chuyện như vậy.	To be frank, I’ve never had time to think about it.
	Tại vì 30 năm vừa qua là 30 năm rất sôi động của Việt Nam, hết việc nọ đến việc kia phải giải quyết. Vấn đề này được giải quyết thì vấn đề kia lại nảy sinh. Tất cả cái quá trình nó rất là sôi động, nó lôi cuốn chúng tôi vào guồng máy.	For one reason, the last thirty years was a very active time for Vietnam, with so many things, one after another, needed to be settled. As soon as one issue cleared, another one arose, and it was a very busy process that kept us too occupied to think of any other things.
	Thành ra không có lúc nào nghĩ là mệt hoặc là mình có thể bỏ cuộc được vì cứ hết việc nọ lại nảy sinh việc kia.	I didn’t have time to think that I was tired, or that I could have walked a different path. I was too busy settling my assignments, one after another.
	Và cá nhân tôi đó, thì cũng lại bị là giao rất nhiều nhiệm vụ thay đổi luôn luôn, thành ra mình chưa kịp học cái này lại có cái kia nó đòi hỏi, thành ra mình lại phải học mới. Thành ra mình cũng quên mất thời gian, quên mất cái mệt nhọc đi.	Back then I was assigned with many different assignments, and they kept changing every day. That enabled me to learn new things all the time. Maybe that’s why I forgot about time and tiredness.
	Thì đấy là tình hình đất nước cũng có rất nhiều vấn đề như vậy và cá nhân mình cũng bị giao rất nhiều việc khác nhau thành ra nó tạo ra một cái thói quen là thích nghi với cái mới.	In short, it was a busy time for the whole country, and also a busy time for me too. I was assigned with so many things that I picked up the habit and capability of instantly adapting to new things.

	<p>Tôi nói chuyện cá nhân tôi nhé. Thực ra tôi hiểu biết về Liên Xô, Đông Âu thì nhiều chứ tôi có hiểu biết gì về các nước nói tiếng Anh đâu, các nước khu vực châu Á Thái Bình Dương và các nước lớn đâu, ngoài Liên Xô và một phần nào là Trung Quốc.</p>	<p>Let me give you an example. My main backgrounds were mainly about the Soviet Union and Western Europe. Neither did I know anything about English-speaking countries, nor Asia-Pacific countries, nor any major world powers other than Soviet Union and China.</p>
	<p>Nhưng mà Mỹ tôi chả hiểu, châu Âu tôi chả hiểu, Đông Nam Á tôi cũng chả hiểu. Nhưng mà đúng một cái khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, tôi lại được giao nhiệm vụ là phụ trách quan hệ với các nước Châu Á – TBD. Thành ra tôi phải học. Học về Asean, học về các nước CA-TBD, học về Nhật, xem nó là cái gì, như thế nào.</p>	<p>I didn't understand anything about the United States, nothing about EU and nothing about ASEAN. But when the socialist model crashed in the Soviet Union and Western Europe, I was put in charge of relations with Asia-Pacific countries. That made me study about ASEAN, Asia-Pacific, Japan... to see who and how they were.</p>
	<p>Thế đang làm CA-TBD thì có anh bạn tôi, phụ trách khu vực Châu Mỹ, thì anh ấy lại đột tử. Một thứ trưởng khác đó, ông ấy mất đi. Thế là tôi lại được giao nhiệm vụ là phụ trách quan hệ với Mỹ, thế là mình lại phải học về Mỹ, mình lại phải thay đổi.</p>	<p>Then after just a while, a friend of mine who was then Vice Minister of Foreign Affairs in charge of America, died from a stroke. I was put to replace him to take charge of relations with the US. That made me study about the US, and I learnt to change again.</p>
	<p>Hoặc là trước kia tôi làm về chính trị thì đúng một cái lại được giao là phụ trách cả kinh tế, thế là lại phải học kinh tế. Vân vân và vân vân.</p>	<p>Another major change for me was when I was suddenly moved from foreign service to be in charge of trade issues, and that made me take on economic lessons too. There are too many examples I can tell.</p>
	<p>Thì cái cuộc sống nó quá sôi động và nó lôi cuốn mình thành ra mình cũng quên mất</p>	<p>I must say that my life was too busy, and it just forced me to deal with it. I didn't have time to see if I was tired, or that I</p>

	mệt và không nghĩ là muốn bỏ cuộc. Thế và chính qua quá trình đó mình trưởng thành lên.	wanted to quit. But thanks to that process, I grew as a person and achieved success.
00:27:06 Donna Cheng	Tại sao ông lại có tinh thần trách nhiệm cao như vậy?	That's very interesting. You never had the luxury of time to think about what you really want. You just kept going, for the sake of the country. You just had to, right? This sense of... for the sake of the country, I have to take on this role because this thing has happened, or that has happened, I just got to keep going on, I just got to keep learning... Do you think it's something that is inborn in you... or you had mentors? People that you looked up to, in the way they were leading, or they were leaders. How did you have that sense of responsibility for your country to keep going? Because you talked about it very naturally. You said, you were just posted here, and you could do it. You were posted there, and you have to do it, and something else came up, and you just have to take it on, and learn something new. Learn language, learn about an entirely new country that you don't know about. Your mindset is, you just have to keep going on. You didn't even think of, "I could do something else." How did you have that sense of responsibility?
00:28:17 Vu Khoan	Có lẽ là do cái tính cách gọi là cái tố chất trời cho là tính cách tự nhiên là ham việc. Bây giờ tôi nghỉ 10 năm rồi tôi vẫn rất là ham việc. Vì khi mình còn làm việc là chứng tỏ mình đang sống. Mình không ham việc nữa thì coi như mình chết.	I could attribute it to my God-blessed quality of hard-work. I have retired for ten years now, but I'm still very addicted to working because for me, if I still work, it means I'm still alive. Once I stop being a workaholic, I'm technically dead already.

	<p>Đấy là cái thói quen từ lúc rất là trẻ cho đến bây giờ. Đến giờ tôi nghỉ hưu 10 năm rồi nhưng tôi không ngừng nghỉ. Tuần nào tôi cũng có việc, tôi vẫn đi dạy học, vẫn tham gia các hội nghị. Đó là cái tính cách trời cho thôi, và cũng với nhận thức là chừng nào mình còn làm việc là mình còn sống. Thì đó là cái suy nghĩ của tôi.</p>	<p>This has been my habit ever since I was very young until now. I have retired ten years ago, but I never stopped working. I have work to do every week. I still go out to give lectures to students and participate in symposiums. I think it's a God-given value and for me, working is living. That's my way.</p>
<p>00:29:10 Donna Cheng</p>	<p>Ông có nghĩ là tình hình mới hiện nay ảnh hưởng xấu đến đạo đức lãnh đạo của thế hệ hiện nay hay không?</p>	<p>So, you have a very strong work ethic. You told me you teach diplomacy to the younger generation, the emerging leaders right now, not just in Vietnam, but also Singaporean students from universities have come to speak to you, and to talk to you. Do you think the difference in times, the times that you grew up in, where it was more turbulent, that it was an issue of survival, versus today, where people have choices, you got choice to move out, you got choice to...? Do you think it affects the work ethic of leaders?</p>
<p>00:29:50 Vu Khoan</p>	<p>Thực ra thế hệ chúng tôi và thế hệ mới bây giờ có nhiều cái khác nhau lắm.</p>	<p>In fact, there are many differences between my generation and the current one.</p>
	<p>Cái khác nhau thứ nhất ấy là cái lượng thông tin. Thời chúng tôi là lượng thông tin kém hơn so với thế hệ ngày nay rất nhiều. Thế hệ trẻ hiện nay họ có rất nhiều thông tin. Thì đấy là một cái khác.</p>	<p>The first difference is about the amount of information available. During our time, we had much lesser access to information than today. The young generation now has access to a lot of information. That's the first difference.</p>
	<p>Cái khác thứ hai đó là thế hệ chúng tôi thì không mạnh bạo lắm. Tức là mạnh bạo đối</p>	<p>The second difference is that our generation is not very active. Today's generation is very active and open-minded.</p>

	với xã hội đó. Nhưng mà thế hệ ngày nay thì các cháu rất là cởi mở, rất là mạnh dạn. Thì đó là cái khác thứ hai.	That's the second difference.
	Cái khác thứ ba là thế hệ chúng tôi thì làm việc một cách chăm chỉ nhưng rất chậm, không năng động. Thế hệ nay thì làm việc rất năng động, rất nhanh nhưng lại không chu đáo.	The third one is that our generation tends to work very hard, but quite slow. The new generation now works very fast, but not carefully enough.
	Thế thì hai cái thế hệ như vậy đó cần phải bổ sung cho nhau. Tôi đi dạy học cũng cốt là để bổ sung cho cái thiếu của cái thế hệ hiện nay. Và đồng thời tôi cũng lại qua đấy tôi học được những cái mà thế hệ hiện nay nó mạnh.	I think each generation has their own strong values that can supplement to each other. These days I still go teaching, because I'd like to pass on my experience to help the younger generation improve on their weaknesses, and through that process, I also learned new things, which are the strengths of the current generation.
	Thành ra cuộc sống của các dân tộc là sự nối tiếp của các thế hệ và mỗi thế hệ có mặt mạnh nhưng cũng có mặt yếu thì thế hệ nọ phải bổ sung cho thế hệ kia. Thì cái dân tộc đó mới mạnh được.	The life of each nation is indeed a flow and continuation of generations. Each generation has its own strengths and weaknesses, and they have to supplement one another. Only by doing that, can a nation be strong.
	Chứ tôi không theo quan điểm là cái gì của thế hệ hiện nay cũng chê đâu mà tôi theo quan điểm là phải học các thế hệ hiện nay.	I'm not the type of person who likes to criticize the younger generation. My position is that we need to learn from them as well.
	Thì chúng tôi cũng đang cố học. Thí dụ ngày xưa làm gì có computer như thế này. Giờ thì chúng tôi già rồi nhưng mà vẫn phải dùng	I'm still trying to learn from them right now. For example, we didn't have computers back in our old days. Now we are old, but we still need to learn to use computers, or Facebook, or

	computer, dùng Facebook, dùng các phương tiện hiện đại. Thì cái đó mình phải học.	other advanced technologies. These new things we still need to learn.
	Nhưng mà mình có kinh nghiệm là làm việc nó thấu đáo hơn, kỹ càng hơn. Thì hiện nay tôi đi dạy các cháu là cái chuyện thứ hai tức là làm cái gì cũng phải bài bản, chuyên nghiệp. Thế nhưng mà chúng tôi lại học được cái nhanh nhẹn của thế hệ hiện nay.	What we were really good at is that we get everything done in a careful and proper manner. When I go lecturing, what I want to transfer to the younger generation is the professionalism and carefulness in implementing our assignments. In return, our generation can learn from them, their activeness.
00:32:11 Donna Cheng	Ông nghĩ một nhà lãnh đạo thực thụ phải có những phẩm chất gì?	Those are really very sobering facts and reality that I think you have shared through your experience. We come from the Institute for Societal Leadership in Singapore Management University. One of the key things we look at is... What makes a societal leader? What makes someone a leader in society? To wrap up this interview, I'd like you to have your final words, what do you think are qualities that are important for any individual to step up and become a societal leader?
00:32:46 Vu Khoan	Tôi thấy phẩm chất đầu tiên của nhà lãnh đạo là phải nhìn xa trông rộng, phải nhìn trước được những cái phát triển của tình hình, để mà mình có cái định hướng để mà đối phó, ứng phó. Đây là cái đầu tiên.	I think the very first quality of a leader is vision. A leader must have a long and wide vision to anticipate the developments and come up with directions and solutions to cope with them. That's the first quality.
	Và cái điều này tôi học được ở ông Lý Quang Diệu, vì như tôi đã nói với chị là tôi đã từng có dịp bồi đồng ông Lý Quang Diệu mỗi lần ông ấy sang Việt Nam và tôi cũng được có nhiều dịp cùng các nhà lãnh đạo khác gặp	I learnt this quality from Mr. Lee Kuan Yew. As I told you earlier, I had many chances to interact and talk with Mr. Lee when he visited Vietnam, as well as when I joined other leaders to meet him in Singapore. My strong impression about him is that he had a very long and clear vision of many

	<p>ông ấy ở Singapore, thì một cái ấn tượng mạnh nhất đối với tôi đó, là ông Lý Quang Diệu nhìn rất xa và trông rất rộng về nhiều mặt, về quan hệ quốc tế. Và đặc biệt về phát triển kinh tế, ông ấy có tầm nhìn rất là xa.</p>	<p>areas, including international relations, and especially of economic development.</p>
	<p>Đấy là cái phẩm chất đầu tiên của nhà lãnh đạo là nhìn xa, trông rộng.</p>	<p>So, the very first quality must be vision.</p>
	<p>Phẩm chất thứ 2 mà tôi trông đợi ở các nhà lãnh đạo là phải có sự quyết tâm, quyết đoán nhưng mà rất thận trọng. Nó là phối hợp hai mặt, tức là phải mình đã chọn mục tiêu đó là phải quyết tâm làm bằng được nhưng mà trong cái sự chọn lựa mục tiêu đó thì phải tính toán rất là nhiều mặt. Đấy là cái phẩm chất thứ hai.</p>	<p>The second quality that I expect to see in a leader is the dedication combined with careful consideration. It's a double-sided quality. On one hand, the leader has to be fully dedicated to achieving whatever goal he has set out. On the other hand, he has to consider everything very carefully to get it done. That's the second quality.</p>
	<p>Cái phẩm chất thứ 3 đó, mà cá nhân tôi trông vào các nhà lãnh đạo là một tấm gương về một cuộc sống trong sạch. Vì đã lãnh đạo là ngồi trên tất cả mọi người và mình không là tấm gương sáng thì không dẫn dắt được người khác.</p>	<p>The third quality that I need to see in a leader is integrity. He should be an example of full integrity in life. The reason is simple. Once you are a leader, you are above everyone, and if you don't have integrity, you cannot lead others to follow you.</p>
	<p>Thì đó là 3 cái phẩm chất mà tôi nghĩ một nhà lãnh đạo cần có. Cái này tôi học được ở các nhà lãnh đạo Việt Nam cái thế hệ của chủ tịch HCM. Tôi rất may mắn là được phục vụ trực tiếp chủ tịch HCM với tư cách là phiên dịch tiếng Nga. Do đó nên là cũng được tiếp xúc với người rất là nhiều. Và 3 cái phẩm</p>	<p>So those are the three qualities that I think a true leader should have. These qualities I learnt from and saw in Vietnam's leaders during the late President Ho Chi Minh's generation. I was lucky enough to work for him as a Russian interpreter. Through my interactions with him, I saw and felt all these three qualities in him: a man with vision, dedication and pure integrity.</p>

	chất cao quý mà tôi vừa nói á, là tôi được nhìn thấy, cảm nhận trực tiếp ở Chủ tịch HCM, tức là nhìn xa trông rộng, quyết tâm thực hiện, và một cuộc sống rất là trong sáng.	
00:35:08 Donna Cheng	Cảm ơn ông đã trả lời PV	Thank you, Mr Vu Khoan, for sharing with us your experience and your insights on Digital Narratives of Asia. We really appreciate your time. Thank you.
00:35:18 Vu Khoan	Tôi cũng rất là đánh giá cao là có dịp để trao đổi với các bạn và chia sẻ những suy nghĩ riêng của mình trong đó có những điều có thể chưa đáp ứng được nhưng mà đây là tất cả những điều thành thật mà tôi muốn chia sẻ.	I really appreciate this chance to talk and share with you my thoughts. Many of them might not meet your expectations, but those are the true feelings and experiences that I want to share.